

## KHÔNG GIAN VĂN HOÁ, THÀNH TỰU VĨ ĐẠI CỦA NGƯỜI TIỀN SỬ VÀ SƠ SỬ QUẢNG BÌNH

**CN. TẠ ĐÌNH HÀ**

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Quảng Bình

Mảnh đất Quảng Bình uốn cong, thắt hẹp theo triền chân dãy Trường Sơn kéo dài từ đèo Ngang tới Hạ Cờ có bề dày văn hóa nhiều nghìn năm. Nơi đây có dấu tích cư trú lâu đời của người tiền sử, sơ sử, ít ra cũng từ thời đại đồ đá giữa cách đây trên dưới vạn năm. Những dấu tích ấy là thông điệp kết nối giữa quá khứ và hiện tại, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc tìm hiểu không gian văn hóa và những thành tựu vĩ đại, những đóng góp to lớn của người thời kỳ tiền sử, sơ sử Quảng Bình đối với lịch sử dân tộc.

Trong thời kỳ biến tiến (băng hà - từ thế Pleistocene sang thế Holocene trong kỷ địa chất Đệ Tứ) vùng đồng bằng duyên hải miền Trung nói chung, Quảng Bình nói riêng chịu một đợt biến tấn công tràn ngập đến tận chân núi Trường Sơn. Cư dân nguyên thủy Quảng Bình phải sống dựa vào các hang đá, đồi núi.

Năm 1926, nhà nữ địa chất kiêm khảo cổ học người Pháp Ma-đơ-cô-la-ni đã phát hiện và khai quật nhiều di chỉ hang động ở miền Tây Quảng Bình, thuộc huyện Tuyên Hóa và Minh Hóa. Bà đã phát hiện chứng tích sớm nhất của họ là các công cụ sản xuất bằng đá silics, bà đã thu được trong ba hang động Yên Lạc, Kim Bảng, xóm Thón trên 400 hiện vật bằng đá đẽo, hòn ghè, mũi nhọn, rìu thô, chày nghiền, nạo, bàn mài... và kết luận: “chúng cùng chung một kỹ nghệ đồ đá như các di tích hang động ở các tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa”. Bà xếp các di chỉ trên vào nền văn hóa Hòa Bình, thuộc thời đại đồ đá giữa cách ngày nay khoảng 7.000 năm đến 1 vạn năm.

Từ đó đến nay, một loạt các di chỉ hang động liên tiếp được phát hiện ở khu vực này. Cách thị trấn Quy Đạt chừng 150m về phía Tây Nam có hang Hùm. Ở đây người tiền sử Quảng Bình đã sinh sống và để lại tầng văn hóa trước, trong miệng hang dày từ 1,7 đến 2,2m. Tầng văn hóa chủ yếu là vỏ ốc, đặc biệt là ốc vặn (Mélania). Ngoài ra còn có cả ốc núi, trai, hến và rất nhiều xương thú.

Hang Khái nằm ở phía Tây thị trấn Quy Đạt, cách xã Yên Hóa chừng 1,5km về phía Đông Nam, có tầng văn hóa dày từ 2 đến 2,6m. Ở đây đã tìm được một bộ xương người lớn nằm cạnh bộ xương trẻ em trong tầng văn hóa. Đặc biệt, góm hang Khái có văn hoa thị rất giống góm hang Mai Pha (Bắc Sơn) của văn hóa Hòa Bình.

Ngoài ra, một loạt các di chỉ hang động khác của văn hóa Hòa Bình ở huyện Tuyên Hóa, Minh Hóa, Quảng Bình được phát hiện và nghiên cứu: Hang Hội Trường, xóm Thâm, Đức Thi, hang Trăn, khe Toong...

Chủ nhân của văn hóa Hòa Bình trên đất Quảng Bình thời tiền sử chủ yếu sống trong các hang động, mái đá. Họ thường chọn những hang đá, mái đá cao ráo, nhiều ánh sáng để ở. Cửa hang thường hướng về phía Nam và gần nguồn nước như khe suối.

## Phần II:

### QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

---

Cô-la-ni đã gọi họ là những người của văn hóa hang động. Món ăn quan trọng lúc ấy của họ là ốc, bà cũng đã gọi họ là “những người ăn ốc”.

Năm 1943, Xô-Ranh và Phơ-rô Ma-giê cũng phát hiện và nghiên cứu nhiều di chỉ có niên đại muộn hơn ở vùng này:

- Hang Rào ở Đông Nam Rào Té, chi lưu của sông Troóc, phía trên Phong Nha (Bố Trạch). Trong hang vỏ ốc nước ngọt và ốc núi chất thành đồng, lẫn với mai rùa, xương thú. Ở độ sâu 0,8m, có một bộ xương người, sọ bị vỡ thành nhiều mảnh, ngực đẹp, sườn gãy.

- Hang khe Toong ở hữu ngạn Khe Gát. Tầng văn hóa có chứa công cụ đá còn nhiều vết ghe đẽo, đồ gốm vỡ, vỏ ốc và xương thú. Đồ gốm có dấu thừng, phần lớn là văn hình sóng nước.

- Hang Minh Cầm nằm ở hữu ngạn Rào Nậy. Trong hang tìm thấy rìu có vai, rìu tứ giác và một mũi nhọn bằng xương. Gốm Minh Cầm thô hoàng như gốm Cò Rạt (Thái Lan), gốm Trại Ôi (Nghệ Tĩnh) và gốm Ba Đồn, Cồn Nền (Quảng Trạch), gốm Bàu Tró (Đồng Hới). Đồ trang sức rất phong phú với vô số vòng, vỏ sò, giữa xuyên lỗ. Hoa tai bằng vỏ sò, hạt chuỗi bằng đá xanh... Hang Minh Cầm còn những khu mộ táng, xương cốt lộn xộn. Giữa đám xương ấy tìm thấy một mảnh xương gót chân trái, có vết khía, có thể là dấu róc thịt. Tục róc thịt người chết phổ biến nhiều ở thời đại đồ đá mới. Đặc biệt thú vị hơn là còn tìm thấy một cái răng bị cụt như bị giũa, bị mài bởi một công cụ sắc có hai rãnh song song. Phong tục cưa răng người tiền sử Quảng Bình hiện nay vẫn còn ở người Thượng (Tây Nguyên).

- Cũng như các vùng khác, cư dân Hòa Bình trên đất Quảng Bình đã sống trong điều kiện khí hậu nhiệt ẩm, gió mùa của vùng rừng nhiệt đới. Chính điều kiện tự nhiên này đã làm cho hệ sinh thái ở đây phát triển phong phú, đa dạng.

- Sống trong điều kiện môi trường của hệ sinh thái trên đòi hỏi cư dân ở đây thường phải biết khai thác nhiều nguồn thức ăn chứ không phải chỉ dừng lại ở một số giống loài riêng biệt như cư dân ở nhiều nơi khác trên thế giới. Trong tổng số các nguồn thức ăn thu được thì số lượng các nguồn thức ăn thực vật trội vượt hơn các nguồn thức ăn động vật. Hay nói cách khác, do điều kiện hệ sinh thái tự nhiên quy định mà họ thiên về hái lượm hơn là săn bắn. Bởi vì trong rừng mưa nhiệt ẩm, sinh khối động vật nhỏ bé hơn nhiều so với sinh khối thực vật. Hiện tại dấu vết của các nguồn thức ăn thực vật của cư dân thời bấy giờ không còn giữ lại trong tầng văn hóa, vì chất hữu cơ đã phân hủy qua thời gian. Nhưng dựa vào đặc điểm địa hình, hệ sinh thái tự nhiên và điều kiện địa lý khiến chúng ta có thể nhận thức được điều đó. Tuy nhiên, trong hoạt động kinh tế chiếm đoạt họ không chỉ dừng lại ở thức ăn thực vật mà còn thu lượm những thức ăn động vật như các loài nhuyễn thể, trứng chim, mật ong... và săn bắn các loài thú lớn nhỏ. Sự có mặt của một số lượng vỏ ốc núi, trai, ốc nước ngọt ken dày trong tầng văn hóa các di chỉ Yên Lạc, Kim Bảng, Xóm Thón, Xóm Thâm, Đức Thi... đã nói lên điều đó.

Số lượng xương cốt động vật có xương sống tìm thấy trong các di chỉ không nhiều, hầu hết đã bị đập vỡ để lấy tủy. Số di cốt của một giống loài ít. Điều đó càng khẳng định hoạt động săn bắn theo phổ rộng của cư dân Hòa Bình ở khu vực này. Điều

cần lưu ý nữa là trong dấu tích của nguồn thức ăn động vật để lại thì thành phần động vật thân mềm phổ biến hơn nhiều so với động vật có xương sống. Điều đó chứng tỏ hoạt động hái lượm trội hơn rất nhiều so với hoạt động săn bắn.

Cùng với đà tiến bộ của kỹ thuật nói chung và nhu cầu của phương thức hoạt động kinh tế đòi hỏi mà người Hòa Bình ở đây hẳn đã đạt được những thành tựu mới về chế tác công cụ lao động. Họ đã biết xuống các dòng sông, suối để chọn lựa những hòn cuội có hình dáng và quy mô thích hợp với từng loại hình công cụ rồi ghè đẽo tạo ra các loại hình công cụ khác nhau như: Công cụ hình đĩa, hình hạnh nhân, rìu ngắn, nạo, bàn nghiền, chày nghiền, mũi nhọn... Việc tạo ra được nhiều loại hình công cụ như vậy đã phản ánh xu hướng phân hóa các chức năng lao động và chuyên môn hóa công cụ khá cao. Đến giai đoạn muộn họ đã biết tới kỹ thuật mài để tạo ra những chiếc rìu mài lưỡi tứ đá cuội mà chúng ta thường gọi là “rìu Bắc Sơn”.

Ngoài việc chế tác đá để làm công cụ, hẳn là người nguyên thủy Quảng Bình lúc đó còn sử dụng xương, sừng, gỗ, tre, nứa... để chế tạo các loại công cụ như dao, đục vũa, bay, mũi nhọn, mũi tên... Nhưng do điều kiện nóng ẩm của vùng nhiệt đới gió mùa mà phần lớn những loại hình công cụ làm bằng chất hữu cơ này đã bị tiêu hủy qua thời gian.

Với tổ hợp công cụ phong phú và đa dạng đó đã tạo điều kiện tiếp sức cho con người trên con đường khai phá, chinh phục tự nhiên, duy trì cuộc sống ngày càng có hiệu suất hơn. Trên cơ sở phát triển nền kinh tế khai thác, nhận thức của con người đối với thế giới xung quanh ngày càng mở rộng. Họ đã hiểu sâu sắc điều kiện sinh thái cũng như nắm bắt được quy luật phát sinh, phát triển và các mùa cho củ, quả, lá... của một số loài cây trong tự nhiên. Đó là cơ sở, tiền đề cho sự ra đời của nông nghiệp nguyên thủy - một thành tựu vĩ đại nhất trong toàn bộ dĩ vãng của con người thời tiền sử. Nông nghiệp ra đời chẳng những từng bước góp phần đáp ứng được những nhu cầu về thức ăn đang đặt ra một cách bức xúc bấy giờ mà còn phá tan vòng vây của một thế trì trệ ngự trị kéo dài hàng triệu năm trước đó và đặt cơ sở, nền tảng vững chắc nhất cho bước tiến đến văn minh của các thời kỳ sau này. Cũng chính nhờ có nông nghiệp phát sinh mà kéo theo một loạt những biến đổi, tiến bộ khác, nhất là trong phương diện kỹ thuật. Rìu mài lưỡi và đồ gốm ra đời. Với nông nghiệp ra đời, con người đã bước đầu tạo ra một hệ sinh thái mới - hệ sinh thái nhân văn...

Dựa vào tài liệu so sánh dân tộc học ở địa bàn phân bố văn hóa Hòa Bình cũng như đối chiếu với các địa điểm cùng thời khác, chúng ta có thể nghĩ rằng, bấy giờ từ chỗ hái lượm theo phổ rộng mà cư dân nguyên thủy đã biết trồng đồng thời các loại cây có củ, cây ăn quả và rau dưa ở dọc các chân núi, bìa rừng và vùng thung lũng, bồn địa giữa núi hay ven sông, ven suối. Sau đó không lâu, có thể dựa trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn của việc trồng khoai nước trong các thung lũng mà họ dần dần biết đến việc thuần hóa cây hoang thành lúa trồng. Từ trung tâm thuần dưỡng này, khi điều kiện tự nhiên thay đổi, địa bàn cư trú mở rộng, cây lúa mới theo con người lan tỏa ra khắp mọi nơi.

Đến nay, nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đều cho rằng khu vực Đông Nam Á (trong đó có bán đảo Đông Dương) là quê hương của lúa hoang và là một trong những

cái nôi phát sinh nông nghiệp sớm của loài người, bên cạnh miền Trung Đông, Pêru và Trung Mỹ. Và như vậy, thành tựu vĩ đại của cư dân nguyên thủy Quảng Bình thời văn hóa Hòa Bình đã đương đầu với biển dâng để tạo nên nền nông nghiệp trồng lúa thuộc loại sớm nhất ở nước ta.

Tuy nông nghiệp đã ra đời nhưng mới ở dạng sơ khai, thành phần kinh tế sản xuất chưa lấn át được thành phần kinh tế tự nhiên. Hay nói cách khác, trong hoạt động kinh tế của cư dân Hòa Bình ở đây, săn bắt và hái lượm không còn giữ vị trí độc tôn nhưng nó vẫn là ngành kinh tế chủ đạo. “Với nền kinh tế đó, tổ chức kinh tế - xã hội của người Hòa Bình cao hơn cư dân thời đại đá cũ bởi vì về mặt văn hóa họ đã bước vào kinh tế sản xuất”.

Từ những nền văn hóa hang động của cư dân nguyên thủy Quảng Bình ở miền thượng nguồn trong thời kỳ đương đầu với nước biển dâng, theo thủy triều rút xuống trong thời kỳ gian băng (biển thoái), con người nguyên thủy lúc đó men theo các triền sông có đất đai màu mỡ, tấn công về đồng bằng ven biển, khai phá đầm lầy, chinh phục thiên nhiên, tạo lập làng bản. Khảo cổ học đã tìm thấy những di chỉ “làng” ven các dòng sông: di chỉ Cồn Nền nằm ở bờ bắc sông Gianh, di chỉ Ba Đồn chỉ cách sông Gianh chừng 200m, di chỉ Lệ Kỳ sát một dòng sông cổ bị vùi lấp... Tất cả đều xuôi dòng chảy về kết tinh trong một nền văn minh Bàu Tró. Bàu Tró, cái hồ nổi tiếng không chỉ là một hồ nước ngọt cung cấp cho thành phố Đồng Hới mà Bàu Tró còn gắn liền với những huyền thoại về một hồ “không đáy” thông với Bàu Sen ở Lệ Kỳ. Bàu Tró là một địa điểm khảo cổ học vô cùng quan trọng có niên đại trên dưới năm ngàn năm cách ngày nay. Bàu Tró còn đại diện cho một nền văn hóa đá mới suốt dọc duyên hải miền Trung. Di chỉ Bàu Tró nói riêng, văn hóa Bàu Tró nói chung có ý nghĩa trong việc nghiên cứu thành tựu vĩ đại của lịch sử loài người, đó là việc khai phá đầm lầy, phát triển nông nghiệp trồng lúa nước. Ấy là một cuộc “cách mạng đá mới” đã diễn ra ở Việt Nam, là sự bùng nổ dân số bên cạnh sự tiến bộ của kỹ thuật và dẫn đến cuộc phân công lao động xã hội lớn lần thứ nhất trong lịch sử. Quá trình tách rời giữa các bộ lạc sống bằng kinh tế sản xuất ra khỏi những bộ lạc sống bằng kinh tế chiếm đoạt (hái lượm, săn bắn và đánh cá). Đó là bước tiến bộ, bước ngoặt quan trọng trong lịch sử nhân loại nói chung, văn hóa Bàu Tró nói riêng. Bàu Tró đưa ta về với cội nguồn, thực sự là sức mạnh gốc nâng đôi cánh cho Quảng Bình ngày mai. Bàu Tró được nhà khảo cổ học Pháp Etienne Patte khai quật và nghiên cứu năm 1923. Từ đó đến nay, công cuộc khai quật, nghiên cứu Bàu Tró càng được đẩy mạnh, mở ra nhiều triển vọng trong việc nghiên cứu Quảng Bình thời tiền sử và người tiền sử Quảng Bình, cũng như vấn đề tiền Đông Sơn và tiền Sa Huỳnh; mối quan hệ qua lại của hai văn hóa hai miền qua văn hóa Bàu Tró. Đã có nhiều ý kiến cho rằng, văn hóa Bàu Tró là một trong những cội nguồn nảy sinh văn hóa Đông Sơn phía Bắc và văn hóa Sa Huỳnh phía Nam. Nếu chủ nhân văn hóa Hòa Bình ở miền Tây Quảng Bình đã sáng tạo nên một nền văn hóa *trước Núi* thì người Bàu Tró cũng tạo nên một nền văn hóa *Nước* ở miền xuôi. Chúng ta đã tìm thấy những đơn vị làng Bàu Tró nổi tiếng: Làng Lệ Kỳ (Đồng Hới) làng Bàu Sen (Lệ Ninh), làng Ba Đồn I, làng Ba Đồn II, làng Bàu Tró, làng Cồn Nền I, Cồn Nền II... Quanh khu vực thành phố Đồng Hới có các di chỉ “làng” như Diêm Điền, Diêm Trung (Đức Ninh); xóm Mần, xóm Giáp (NamLý). Và rất nhiều hiện vật bằng đồng của cư dân Quảng Bình trong thời kỳ văn hóa Đông Sơn, thời Vua

## Phần II:

### QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

---

Hùng dựng nước Văn Lang được phát hiện, rìu đồng, giáo đồng, thố đồng ở Bó Trạch. Mũi lao đồng, rìu đồng ở Quảng Trạch. Đặc biệt, trống đồng Phù Lưu, trống đồng Trung Thuần (xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch), di sản văn hóa vật chất nổi tiếng của văn hóa Đông Sơn cũng được tìm thấy. Khuôn đúc rìu đồng ở xã Hóa Hợp, huyện Minh Hóa minh chứng cho trình độ kỹ thuật luyện kim đồng thau của cư dân Quảng Bình thời kỳ sơ sử.

Như vậy, ngay từ thời đại mới và bước vào sơ kỳ thời đại kim khí trên đất Quảng Bình đã có nhiều thế hệ người tiền sử sống kế tiếp nhau, manh nha thành xóm làng của cộng đồng thị tộc, bộ lạc.

Thành tựu vĩ đại của người Quảng Bình thời tiền sử là họ đã chế tạo những công cụ bằng đá silic pha vảy sét, một loại đá lửa làm công cụ vào loại tốt nhất chưa hề thấy trong các văn hóa đá mới trên đất Việt Nam. Mặt khác, họ còn là chủ nhân của một văn hóa gốm màu sớm nhất trên đất nước ta. Nó chứng tỏ cộng đồng người tiền sử Quảng Bình ngay từ đầu đã có một nền tảng kỹ thuật đồ đá, đồ gốm rất cao. Chúng ta trân trọng, chiêm ngưỡng trước vẻ đẹp rực rỡ của những bình gốm tô màu, thậm chí có đến hai màu, chì bóng và thổ hoàng đỏ rực, kết hợp với những đồ án khắc vạch sóng nước... Có thể nói đó là tư duy tài hoa của người thợ gốm Quảng Bình thời tiền sử. Bên cạnh đó, chúng ta thấy hầu hết trong các di chỉ Bàu Tró, tồn tại một khối lượng đồ gốm khá đồ sộ. Mật độ gốm hàng số văn hóa dày đặc (Bàu Tró có 11.994 mảnh gốm/108m<sup>2</sup>. Di chỉ Ba Đồn 1 có 80.000 mảnh gốm/150m<sup>2</sup>. Di chỉ Ba Đồn 2 có 19.934 mảnh gốm/95m<sup>2</sup>. Di chỉ Còn Nền có 65.609 mảnh/90m<sup>2</sup>). Không có một nền văn hóa nào nhiều gốm đến như vậy. Điều này không những gợi ý ban đầu quan trọng về một nền nông nghiệp trồng lúa nước vào loại sớm ở Đông Nam Á mà còn có ý nghĩa về phương diện lý luận. Nó chứng minh cho sự bùng nổ của cuộc cách mạng đá mới, sự gia tăng về dân số, tiến bộ về kỹ thuật và sự xuất hiện cuộc phân công lao động xã hội lớn lần thứ nhất trong lịch sử nhân loại; quá trình tách rời giữa các bộ lạc dựa vào kinh tế sản xuất (trồng trọt- chăn nuôi) khỏi bộ phận còn lại của người dã man: các bộ lạc săn bắn, hái lượm, và đánh cá. Vào hậu kỳ thời đại đồ đá mới - sơ kỳ kim khí, khi điều kiện tự nhiên và đặc điểm địa hình gần giống như ngày nay, cư dân tiền sử, sơ sử Quảng Bình có sự phát triển không ngừng về kỹ thuật, kỹ nghệ, chế tác công cụ đá và luyện kim đồng thau đã đưa nền kinh tế sản xuất lên vai trò chủ đạo, cùng với nó là nền tảng xã hội văn hóa, xóm làng định cư dần dần hình thành từ rừng núi, thung lũng, trung du, đồng bằng ven sông, ven biển.

Người Quảng Bình thời tiền sử và sơ sử từ văn hóa Hòa Bình, văn hóa Bàu Tró đến thời kỳ văn hóa Đông Sơn luôn mang bản sắc riêng - bản sắc của vùng đất nắng, gió Quảng Bình; bản sắc của một vùng cộng đồng dân cư có tính lao động cần cù, chịu khó, bền bỉ, tiết kiệm và thông minh, được xác lập cách đây từ trên dưới vạn năm, là ngọn nguồn tạo nên bản sắc độc đáo, văn hóa Quảng Bình trong bản sắc văn hóa Việt Nam thống nhất của trên 50 dân tộc qua các thời đại, từ thời đại Hòa Bình đến thời đại Hồ Chí Minh.